

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2025/TLST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**; Trụ sở: Số B, đường L, phường G (phường T, quận B cũ), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N

Người đại diện ủy quyền: Ông Hồ Việt A – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh V1 (theo giấy ủy quyền số: 2665/QĐ-NHN⁰-PC ngày 01/12/2022)

Ông Việt A ủy quyền lại cho: Ông Lê Văn B – Chức vụ Phó Giám Đốc Ngân hàng N – Chi nhánh V1 (theo giấy ủy quyền số: 308/QĐ-NHN⁰VL-TH ngày 13/6/2025)

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH V2** (gọi tắt Công ty V2; địa chỉ: Số F đường P, Khóm B, Phường L (Phường I, thành phố V cũ), tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Lê Minh T - Chức vụ: Giám Đốc; nơi cư trú: Số A khóm A, phường C, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số A khóm A, Phường C, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung:

- Công ty TNHH V2 phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2025 là **52.976.793.635 đồng** (năm mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng) (trong đó, nợ gốc vay

38.445.000.000đồng; tổng nợ lãi là 14.531.793.635đồng (lãi trong hạn: 9.980.315.548đồng; lãi quá hạn là 4.146.317.089đồng; lãi chậm trả là 405.160.998đồng)

Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-202200909 ký ngày 20/6/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 7300-LAV-202200909/PL ngày 15/02/2023 (theo hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-202200909 ngày 20/06/2022), từ ngày 21/9/2025, đến khi Công ty TNHH V2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng theo giấy nhận nợ, cụ thể:

(1) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202142 ngày 02/8/2022, dư nợ là 5.750.000.000đồng (năm tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng);

(2) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202158 ngày 03/8/2022, dư nợ là 5.650.000.000đồng (năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng);

(3) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202541 ngày 14/9/2022, dư nợ là 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);

(4) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202558 ngày 16/9/2022, dư nợ là 1.055.000.000đồng (một tỷ lẻ năm mươi lăm triệu đồng);

(5) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202574 ngày 19/9/2022, dư nợ là 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng);

(6) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202630 ngày 22/9/2022, dư nợ là 4.000.000.000đồng (bốn tỷ đồng);

(7) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202649 ngày 23/9/2022, dư nợ là 4.025.000.000đồng (bốn tỷ lẻ hai mươi lăm triệu đồng);

(8) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202202917 ngày 19/10/2022, dư nợ là 2.650.000.000đồng (hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng);

(9) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202203796 ngày 30/12/2022, dư nợ là 9.485.000.000đồng (chín tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng);

(10) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202300016 ngày 03/01/2023, dư nợ là 3.540.000.000đồng (ba tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng);

(11) Giấy nhận nợ số 7300-LDS-202300032 ngày 04/01/2023, dư nợ là 1.930.000.000đồng (một tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng);

Trường hợp, Công ty TNHH V2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7300-LCL-202000665 ngày 08/7/2020 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7300LCL202000665/PLHDTTC ngày 23/6/2022 để thu hồi nợ. Chi tiết các tài sản bảo đảm như sau:

- Quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 235, tờ bản đồ số 9, diện tích 183,4m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 25/6/2019,

số phát hành CS 205701. Bà Phạm Thị Bích T1 chuyển nhượng cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 3).

- Quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 9, diện tích 143,6m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 25/06/2019, số phát hành CS 205702. Bà Phạm Thị Bích T1 chuyển nhượng cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 3).

- Quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 9, diện tích 126,5m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 25/6/2019, số phát hành CS 205703. Bà Phạm Thị Bích T1 chuyển nhượng cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 3).

- Quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.721,3m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 09/9/2019, số phát hành CS 350898. Bà Phạm Thị Bích T1 chuyển nhượng cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 4).

- Quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 240, tờ bản đồ số 9, diện tích 100,4m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 25/6/2019, số phát hành CS 205706. Bà Phạm Thị Bích T1 chuyển nhượng cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 3).

- Quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 239, tờ bản đồ số 9, diện tích 102,9m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 25/6/2019, số phát hành CS 205705. Bà Phạm Thị Bích T1 chuyển nhượng cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 3).

- Quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 238, tờ bản đồ số 9, diện tích 114m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 25/6/2019, số phát hành CS 205704. Bà Phạm Thị Bích T1 chuyển nhượng cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 3).

- Quyền sử dụng đất, thuộc các thửa đất số 263, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.586,9m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long, do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp cho bà Phạm Thị Bích T1 ngày 09/9/2019, số phát hành CT 135003. Ông Phạm Ngọc Quốc B1 chuyển nhượng

cho ông Lê Minh T, ông Lê Minh T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận ngày 03/7/2020 (mặt 4).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Công ty TNHH V2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 80.488.000đồng (tám mươi triệu lẻ bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)

- *Về chi phí tố tụng khác:* Công ty TNHH V2 tự nguyện nộp chi phí tố tụng khác (xem xét, thẩm định tại chỗ) là 1.000.000đồng (một triệu đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng N;

Hoàn trả Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí 79.698.000đồng (bảy mươi chín triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0000884 nộp ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Kim Yến